Tính vô ngã trong kinh Subha qua cấu trúc Giới - Định - Tuệ

ISSN: 2734-9195 09:34 09/05/2026

Thông qua phân tích cấu trúc Giới - Định - Tuệ trong Kinh Subha, có thể thấy rằng giáo lý vô ngã là kết quả của một tiến trình tu tập có điều kiện. Hành vi, tâm thức và thân tâm đều mang tính duyên sinh.

Tác giả: **NCS Trần Quốc Hưng (Thích Thiện Thanh)**
Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM

TÓM TẮT

Bài viết tiếp cận **giáo lý vô ngã** không như một mệnh đề triết học trừu tượng, mà như kết quả của một tiến trình tu tập cụ thể được trình bày trong Kinh Subha (DN 10). Thông qua việc phân tích ba phương diện Giới - Định - Tuệ, người viết cho rằng nhận thức về vô ngã hình thành dần trên nền tảng chuyển hóa hành vi, tâm thức và nhận thức. Bên cạnh đó, việc đối chiếu với một số kinh điển Đại thừa cho thấy sự tương thích đáng kể về mặt tư tưởng, dù cách diễn đạt có khác biệt. Từ đó, vô ngã có thể được hiểu như một kinh nghiệm thực chứng, gắn liền với tiến trình duyên sinh của thân tâm.

Từ khóa: Vô ngã, Giới, Định, Tuệ, Kinh Subha (DN 10), Đại thừa, Nguyên thủy, tự ngã.

1.

2. Mở đầu

Trong hệ thống tư tưởng Phật giáo, vô ngã giữ vai trò nền tảng nhưng không được trình bày như một khẳng định mang tính bản thể luận. Thay vào đó, vô ngã được triển khai thông qua tiến trình tu tập và thực hành trực tiếp. Điều này thể hiện rõ trong bài *Kinh Subha*, nơi Tôn giả A-nan trình bày ba pháp uẩn là giới, định và tuệ như những gì Đức Phật tán thán.

Vấn đề nghiên cứu của bài viết là làm rõ cách thức mà cấu trúc Giới - Định - Tuệ vận hành như một hệ thống luận chứng, qua đó dẫn đến nhận thức giáo lý vô ngã. Phương pháp sử dụng là phân tích văn bản kết hợp đối chiếu liên truyền thống là Nguyên thủy và Đại thừa nhằm làm nổi bật tính nhất quán của giáo lý vô ngã.

1. ## Nội dung

2. ## 1. Khái niệm về Giới - Định - Tuệ

- Khái niệm về giới:

"Giới: 戒; S: śīla; P: sīla: "Giới luật mà tăng, ni cũng như người tu tại gia phải tuân thủ, là điều kiện để giác ngộ"[1].

Hàm ý: Giới là những qui định tự nhiên trong đời sống thông thường, trong đó Luật được hiểu là qui luật dành cho những người xuất gia, sống trong chùa chiền hay thiền viện. Ngoài ra, Giới thường được ví như thông phong đèn, đèn có thông phong thì ngọn đèn mới đứng yên, có giữ giới tâm mới định, không tán loạn, ánh đèn mới sáng tỏ, trí tuệ mới phát sinh và chiếu sáng.

- Khái niệm về định:

"Định: 定*; S, P: samādhi; J: zammai, dịch theo âm là Tam-ma-địa; Trạng thái chú tâm lên một đối tượng duy nhất bằng sự lắng lọc từ từ của tâm*"[2].

Hàm ý: Định là một dạng tâm thức, trong đó không còn tính nhị nguyên, chủ thể biến thành một với khách thể, lúc đó chỉ còn một kinh nghiệm tâm thức là có thật. Khả năng đạt định là một trong những điều kiện tiên quyết để tu tập thiền.

- Khái niệm về tuệ:

"*Tuệ (P: **Paññā)**: Tuệ là trí tuệ, trí sáng suốt nhận biết được chân tướng, bộ mặt thật của sự vật.*"[3].

Hàm ý: Tượng trưng cho khả năng nhận biết chân tướng sự vật (tuệ giác) và sự thông tuệ, thấu hiểu lẽ phải. Đây cũng là tên gọi phổ biến mang kỳ vọng về một trí tuệ sắc sảo, sáng suốt.

Trong *Kinh Subha*, ba pháp uẩn được xác định là đối tượng được Đức Phật tán thán và khuyến đạo. Giới liên hệ đến việc điều chỉnh hành vi thân và khẩu, định liên hệ đến sự ổn định và nhất tâm của tâm thức, trong khi tuệ liên hệ đến nhận thức chân lý. Ba yếu tố này không tồn tại độc lập mà liên kết thành một tiến trình nhân quả, trong đó mỗi giai đoạn vừa là điều kiện vừa là cơ sở cho giai đoạn tiếp theo. Quan trọng hơn, cấu trúc này đồng thời đóng vai trò như một hệ thống phân tích con người trên ba cấp độ: hành vi, tâm lý/tâm thức và nhận thức.

2. 2. Phân tích tính vô ngã qua cấu trúc Giới - Định - Tuệ

2.1. Tính vô ngã của Giới

Giới không phải là một thực thể đạo đức cố định mà là một tiến trình điều chỉnh hành vi dựa trên điều kiện, do đó bản thân Giới mang tính vô ngã. Khi xem xét phương diện hành vi, vấn đề cần được xác lập là liệu hành vi con người có thể được xem như biểu hiện của một tự ngã độc lập hay không?

Kinh Subha: "*Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (Pātimokkha), đầy đủ oai nghi chính hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chính niệm tỉnh giác và biết tri túc*"[4].

Sự thống nhất về mặt giáo lý còn được khẳng định trong truyền thống Đại thừa qua *Kinh Phạm Võng*: "*Tụng giới này... là bổn nguyện của chư Phật, là căn bản của chúng Phật Tử. Vì thế nên chúng Phật Tử phải thọ trì, phải đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này*"[5].

Hai văn bản này, dù thuộc hai truyền thống đều thống nhất ở một điểm giới là nền tảng thiết lập hành vi và là điều kiện cần thiết cho toàn bộ tiến trình tu tập. Trong kinh Nguyên thủy, giới được triển khai qua các yếu tố cụ thể như chế ngự, thanh tịnh thân-khẩu và thủ hộ các căn, trong kinh Đại thừa, giới được xác định là căn bản của con đường Bồ-tát. Cả hai đều phủ định khả năng tồn tại của một hành vi tự tại, độc lập với điều kiện.

Nếu hành vi là biểu hiện của một tự ngã độc lập, thì nó phải mang tính tự chủ tuyệt đối và không chịu sự chi phối bất kỳ điều kiện nào. Tuy nhiên, kinh văn cho thấy hành vi chỉ được thiết lập thông qua quá trình chế ngự, huân tập và chính niệm. Do đó, hành vi không thể là biểu hiện của một tự ngã bất biến, mà chỉ là kết quả của các điều kiện.

Ví như một người trước đây xem việc sát sinh là bình thường. Nhưng sau khi quy y Tam Bảo, học giới và phát tâm từ bi, họ từ bỏ hành vi ấy. Điều này cho thấy hành vi không phải bản chất cố định của "tôi", mà do nhận thức và hoàn cảnh duyên sinh.

Tóm lại, giới được trình bày trong *Kinh Subha*, không chỉ là nền tảng đạo đức mà còn là một luận chứng thực nghiệm cho giáo lý vô ngã. Khi hành vi được thấy là kết quả của các điều kiện, không có yếu tố nào có thể được xác định là tự ngã bất biến, nên không thể là biểu hiện của một tự ngã độc lập.



2.2. Tính vô ngã của Định

Tương tự, Định không phải là một trạng thái tâm linh hằng hữu mà là sự chuyển hóa các dòng tâm thức theo duyên. Tại phương diện tâm thức, vấn đề cần được khảo sát là bản chất của tâm thức, câu hỏi đặt ra là liệu có tồn tại một thực thể bất biến đứng sau các trạng thái tâm hay không? Kinh mô tả tiến trình thiền định như một chuỗi biến đổi có cấu trúc của tâm: "*Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất... không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc... thấm nhuần*"[6].

Đối chiếu với Kinh Duy Ma Cật: "*Bồ Tát nếu muốn được cõi Phật thanh tịnh, nên làm cho tâm thanh tịnh; tùy chỗ Tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh* "[7].

Qua hai văn bản học trên, cho thấy cả hai đều khẳng định khả năng chuyển hóa của tâm thức. Cho nên, tâm không phải là một chủ thể cố định, mà là một dòng các trạng thái liên tục. Nếu tâm là một tự ngã bất biến, thì nó không thể chuyển đổi trạng thái theo điều kiện (duyên sinh). Tuy nhiên, thiền định cho thấy tâm thay đổi từ tán loạn đến định tĩnh. Do đó, rất khó xem tâm là một thực thể thường hằng, mà chỉ là một tiến trình duyên sinh.

Xét về góc nhìn thực tế, một cá nhân thường xuyên bị chi phối bởi trạng thái lo âu và phân tán, thông qua tu tập thiền định sẽ đạt được trạng thái ổn định và sáng suốt hơn. Điều này cho thấy tâm không phải là một thực thể cố định, mà là một tiến trình có thể được điều kiện hóa và tái cấu trúc.

Tựu trung lại, có thể nhấn mạnh rằng thiền định trong *Kinh Subha* không chỉ là phương pháp tu tập, mà còn là một luận chứng thực nghiệm cho giáo lý vô ngã. Cho thấy tâm không phải là một tự ngã bất biến mà là một tiến trình duyên sinh.

2.3. Tính vô ngã của Tuệ

Cuối cùng là mức độ nhận thức, tiến trình tu tập đạt đến điểm quyết định khi trí tuệ được thiết lập trên nền tảng của định. Vấn đề đặt ra ở đây là, liệu trong tiến trình nhận thức này có tồn tại một tự ngã làm chủ thể nhận biết hay không, hay chính nhận thức cũng vận hành theo nguyên lý duyên sinh.

Kinh Subha, tuệ được xác định như kết quả của tâm định tĩnh và thanh tịnh: "*Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não... vị ấy hướng tâm đến chính trí, chính kiến. Vị ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sinh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại...thức ta nương vào và bị trói buộc*"[8].

Với truyền thống Đại thừa, có thể thấy sự tương đồng trong *Bát Nhã Tâm kinh*: "*Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc*"[9].

Nếu trong kinh Nguyên thủy, thân được phân tích thành bốn đại và chịu vô thường, thì trong kinh Đại thừa, sắc được trực tiếp xác định là "không", tức là là triển khai tính vô ngã trong Nguyên thủy. Hai cách diễn đạt này khác nhau về ngôn ngữ, nhưng thống nhất về nội dung là các pháp không có bản chất cố định. Điều này mở rộng luận chứng từ phân tích hiện tượng Phật giáo Nguyên thủy sang phủ định tự tính Phật giáo Đại thừa.

Xét trên lập trường của Trung Quán Luận: "*Các pháp từ nhân duyên sinh ra, Đức Phật nói chúng không thực có*"[10]. Nghĩa là cái gì do duyên sinh thì không có tự tính mà cái gì không có tự tính thì không thể là ngã. Áp dụng vào thân

tâm, nếu thân là tổ hợp của bốn đại và tâm là tiến trình nhận thức, thì không có yếu tố nào trong đó có thể đóng vai trò như một thực thể bất biến. Việc tìm kiếm "ngã" trong thân tâm là dẫn đến kết quả phủ định.

Xét trên phương diện thực tế, khi đối diện với những lời chỉ trích, tâm sân sinh khởi và nghĩ "tôi đang giận". Nhưng một lúc sau, khi bình tĩnh lại, cơn giận biến mất. Nếu "cái tôi" thật sự là giận, thì nó phải tồn tại cố định. Thực tế, giận chỉ là trạng thái tâm sinh diệt theo duyên. Điều này tương ứng với nhận thức được mô tả trong kinh: "ngã" không được tìm thấy khi phân tích các yếu tố do duyên tạo thành.

Rõ ràng, vai trò của trí tuệ trong *Kinh Subha* không chỉ là công cụ nhận thức, mà là phương tiện trực tiếp phá vỡ chấp ngã. Khi thân và tâm được thấy như những hiện tượng duyên sinh, không có tự tính, thì giả định về một tự ngã độc lập không còn cơ sở để tồn tại.

3. Ý nghĩa triết học

Từ ba luận cứ đã được triển khai trong cấu trúc Giới - Định - Tuệ, có thể rút ra một số hệ quả triết học quan trọng liên quan đến giáo lý vô ngã.

- Phương diện hành vi, vô ngã không phải là phủ định tồn tại, mà là phủ định tính độc lập và tự tính của các pháp. Điều này giúp tránh rơi vào cực đoan đoạn diệt.

- Phương diện tâm thức, con người được hiểu như một tiến trình duyên sinh, thay vì một bản thể cố định. Nhận thức này chuyển trọng tâm triết học từ "tồn tại" sang "trở thành".

- Phương diện nhận thức, nhận thức luận Phật giáo mang tính thực chứng, vì chân lý được xác lập thông qua kinh nghiệm tu tập. Quan điểm này tương thích với lập trường duyên sinh, vô tự tính trong Trung Luận, cho thấy sự liên tục giữa các truyền thống.

Mặt khác, chân lý trong Phật giáo không mang tính tiên nghiệm, mà phải kiểm chứng thông qua tu tập pháp hành. Điều này cho thấy sự liên tục và nhất quán giữa Phật giáo Nguyên thủy và Đại thừa trên bình diện triết học.

III. Kết luận

Thông qua phân tích cấu trúc Giới - Định - Tuệ trong *Kinh Subha*, có thể thấy rằng giáo lý vô ngã là kết quả của một tiến trình tu tập có điều kiện. Hành vi, tâm thức và thân tâm đều mang tính duyên sinh. Do đó, không có cơ sở cho sự

tồn tại của một tự ngã độc lập. Nhận thức này không phải là giả định triết học, mà là kết quả của quá trình tu tập và quan sát thực tại. Cho nên, vô ngã cần được hiểu như một nhận thức thực chứng, chỉ khi hành giả trực tiếp quán sát tu tập để chuyển hóa thân tâm thì tính vô ngã của Giới - Định - Tuệ mới dần được liễu tri.

Tác giả: **NCS Trần Quốc Hưng (Thích Thiện Thanh)**
Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM

Tài liệu tham khảo:

1. 1. Đạo Uyển, Từ điển Phật học, Bản điện tử, 2001.
   2. Niệm Phật, Tự điển Phật học, Bản điện tử, truy cập ngày 29/03/2026.
   3. Kinh Trường Bộ-Kinh Subha, Thích Minh Châu (Việt dịch), Nxb.Hồng Đức, 2020.
   4. Kinh Phạm Võng, Thích Trí Tịnh (Việt dịch), Đạo tràng Liên Hoa, Bản điện tử, 2025.
   5. Kinh Duy Ma Cật-Phẩm 1: Phật Quốc, Thích Huệ Hưng (Việt dịch), Bản điện tử, 1970.
   6. Bát nhã tâm kinh, Thích Thanh Từ, Nxb.Hồng Đức, Hà Nội, 2019.
   7. Trung Quán Luận, Thích Tịnh Nghiêm (Việt dịch), Bản điện tử, 2003.

Chú thích:

[1] Đạo Uyển, *Từ điển Phật học*, Bản điện tử, 2001, Tr.165.

[2] Đạo Uyển, *Từ điển Phật học*, Bản điện tử, 2001, Tr.149.

[3] Niệm Phật, *Tự điển Phật học*, truy cập ngày 29/03/2026, https://www.niemphat.vn/tudien/tue.html

[4] *Kinh Trường Bộ-Kinh Subha*, Thích Minh Châu (Việt dịch), Nxb.Hồng Đức, Hà Nội, 2020, Tr.161.

[5] *Kinh Phạm Võng*, Thích Trí Tịnh (Việt dịch), Đạo tràng Liên Hoa, Bản điện tử, USA, 2025, Tr.19.

[6] *Kinh Trường Bộ-Kinh Subha*, Thích Minh Châu (Việt dịch), Nxb.Hồng Đức, Hà Nội, 2020, Tr.164.

[7] *Kinh Duy Ma Cật-Phẩm 1: Phật Quốc*, Thích Huệ Hưng (Việt dịch), Bản điện tử, 1970. Truy cập: Ngày 03/05/2026 https://thuvienhoasen.org/p16a2014/1-pham-phat-quoc.

[8] *Kinh Trường Bộ-Kinh Subha*, Thích Minh Châu (Việt dịch), Nxb.Hồng Đức, Hà Nội, 2020, Tr.165.

[9] *Bát nhã tâm kinh*, Thích Thanh Từ, Nxb.Hồng Đức, Hà Nội, 2019, Tr.19.

[10]*Trung Quán Luận*, Thích Tịnh Nghiêm (Việt dịch), Bản điện tử, 2003, Tr.244.